

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN
NĂNG LƯỢNG SÔNG HỒNG

Năm 2006

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG SÔNG HỒNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thực hiện của Nhà nước hiện hành;

Chúng tôi, những cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng nhất trí thông qua nội dung của bản Điều lệ và cùng cam kết thực hiện nghiêm chỉnh những quy định trong bản Điều lệ này.

Bản Điều lệ này chi phối toàn bộ hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên Công ty và hình thức

1.1- Tên Công ty:

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG SÔNG HỒNG

Dưới đây được gọi là “ Công ty”.

1.2- Tên giao dịch Quốc tế:

SONG HONG ENERGY JOINT- STOCK COMPANY

1.3- Tên viết tắt: **SHE**

1.4- Hình thức: Công ty thuộc loại hình công ty cổ phần hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định hiện hành khác của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Trụ sở, địa bàn hoạt động của Công ty

2.1- Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Tổ 9 – Phường Pú Trạng – Thị xã Nghĩa Lộ – Tỉnh Yên Bái.

Điện thoại: Fax:

2.2- Công ty có Nhà máy đặt tại:

Xã Phong Dụ Thượng – Huyện Văn Yên – Tỉnh Yên Bái.

2.3- Văn phòng đại diện và các chi nhánh của Công ty ở trong và ngoài nước có thể được thành lập và hoạt động theo các quyết định của Hội đồng quản trị và qui định của Pháp luật.

Điều 3. Tư cách pháp nhân

Công ty có:

3.1- Tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3.2- Con dấu riêng, độc lập về tài sản, được mở tài khoản tại kho bạc nhà nước và các ngân hàng trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

3.3- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

3.4- Chịu trách nhiệm về tài chính hữu hạn đối với các khoản nợ trong phạm vi vốn điều lệ.

3.5- Tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh, được hạch toán kinh tế độc lập và tự chủ về tài chính.

3.6- Có bảng cân đối kế toán riêng, được lập các quỹ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 4. Ngành nghề kinh doanh, thời gian hoạt động

4.1- Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

4.1.1- Tư vấn, tổng thầu tư vấn đầu tư và xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, đường dây và trạm biến áp đến 110KV, hạ tầng kỹ thuật đô thị, bao gồm:

- Lập và thẩm tra các dự án đầu tư xây dựng;

2

- Tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế về xây lắp, cung cấp vật tư, thiết bị;
- Thiết kế, lập tổng dự toán và dự toán các công trình;
- Thẩm tra thiết kế, tổng dự toán và dự toán các công trình; quản lý thực hiện các dự án đầu tư xây dựng;
- Giám sát, kiểm tra chất lượng thiết bị, vật tư, thi công xây lắp; nghiệm thu, bàn giao và thanh, quyết toán các công trình;

4.1.2- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, đường dây và trạm biến áp đến 110KV;

4.1.3- Khai thác, sản xuất, kinh doanh điện và vật liệu xây dựng;

4.1.4- Sản xuất và kinh doanh máy móc, thiết bị xây dựng, khai thác đá;

4.1.5- Đầu tư và kinh doanh bất động sản, nhà ở, văn phòng cho thuê;

4.1.6- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí;

4.1.7- Kinh doanh các ngành, nghề khác theo quy định của pháp luật.

4.2- Thời gian hoạt động của Công ty:

Thời gian hoạt động của Công ty là 50 năm kể từ ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Việc chấm dứt trước hoặc gia hạn thời gian hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức và quản trị, điều hành của Công ty

5.1- Công ty hoạt động trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật.

5.2- Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng cổ đông.

5.3- Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị để quản lý Công ty, bầu Ban kiểm soát để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị, điều hành Công ty.

5.4- Điều hành hoạt động của Công ty là Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm.

Điều 6. Tổ chức chính trị và tổ chức chính trị – xã hội trong Công ty

6.1- Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị – xã hội trong Công ty hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ của tổ chức mình phù hợp với quy định của pháp luật.

6.2- Công ty tôn trọng và tạo điều kiện thuận lợi để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức quy định tại khoản 6.1 Điều này.

Điều 7. Quyền hạn và nghĩa vụ của Công ty

Công ty thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ của Công ty theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật.

CHƯƠNG II

VỐN – CỔ PHẦN – CỔ PHIẾU – CỔ ĐÔNG

Điều 8. Vốn điều lệ

8.1- Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thành lập là: 25,50 tỷ đồng Việt Nam (*Hai mươi lăm phẩy năm tỷ đồng Việt Nam*).

8.2- Vốn điều lệ của Công ty do các cổ đông tự nguyện tham gia đóng góp bằng nguồn vốn hợp pháp của mình. Vốn điều lệ được đóng góp bằng đồng tiền Việt Nam, ngoại tệ hoặc bằng hiện vật và được hạch toán theo một đơn vị thống nhất là Việt Nam đồng. Tỷ lệ và hình thức góp vốn được quy định cụ thể tại khoản 16.4 Điều 16 của Điều lệ này.

8.3- Việc tăng, giảm vốn điều lệ do Đại hội đồng cổ đông quyết định và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp nhận. Thủ tục xác nhận vốn điều lệ thực hiện tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8.4- Vốn điều lệ chỉ được sử dụng cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Không sử dụng vốn điều lệ để chia cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác phù hợp với quy định của pháp luật.

8.5- Khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các cổ đông sáng lập sẽ cùng góp vốn theo tiến độ do Hội đồng quản trị Công ty quy định. Toàn bộ số vốn góp bằng tiền của các cổ đông được chuyển vào tài khoản của Công ty. Phần vốn góp bằng tài sản sẽ trở thành tài sản của Công ty và Hội đồng quản trị sẽ quyết định việc định giá tài sản mà các cổ đông đóng góp.

8.6- Các cổ đông của Công ty phải bảo đảm rằng tài sản mà họ góp vào Công ty là tài sản hợp pháp và không bị tranh chấp hoặc kiện tụng.

Điều 9. Cổ phần, cổ phiếu

4

9.1- Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 255.000 cổ phần, mỗi cổ phần trị giá 100.000 đồng Việt Nam (Một trăm nghìn đồng Việt Nam). Mỗi cổ phần có giá trị ngang nhau về mọi mặt.

9.2- Cổ phiếu của Công ty được phát hành theo mẫu thống nhất của Bộ Tài chính nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phát hành. Mọi cổ phiếu phải có chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

9.3- Cổ phiếu của Công ty có 02 loại:

9.3.1- Cổ phiếu ghi danh:

- Cổ phiếu ghi danh là cổ phiếu có ghi tên người chủ sở hữu trên cổ phiếu: cổ phiếu của các cổ đông sáng lập, cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo mức tối thiểu quy định tại khoản 17.9 Điều 17 Điều lệ này hoặc các cổ đông phổ thông có nhu cầu loại cổ phiếu này.

- Việc chuyển nhượng cổ phiếu ghi danh phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật và các quy định tại Điều lệ này.

9.3.2- Cổ phiếu không ghi danh:

- Là cổ phiếu phát hành cho các cổ đông không phải là đối tượng được quy định tại khoản 9.3.1 nêu trên;

- Là cổ phiếu phát hành thêm khi Công ty cần tăng vốn điều lệ. Các cổ đông được quyền ưu tiên mua cổ phần mới theo tỷ lệ vốn đã góp, khi đó Hội đồng quản trị sẽ quyết định và thống nhất hệ số của các cổ phiếu mới so với cổ phiếu phát hành lần trước.

- Là cổ phiếu ghi danh đã được chuyển nhượng theo quy định tại Điều lệ này.

9.3.4- Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, cổ đông phải báo ngay cho Công ty và có quyền yêu cầu Công ty cấp lại cổ phiếu và phải trả phí do Công ty quy định.

Điều 10. Sổ đăng ký cổ đông

10.1- Công ty lập và lưu giữ, bảo quản sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai.

Sổ đăng ký cổ đông có các nội dung chủ yếu sau đây:

10.1.1- Tên, địa chỉ trụ sở chính Công ty;

10.1.2- Tổng số các cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;



10.1.3- Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;

10.1.4- Tên cổ đông, địa chỉ, số lượng cổ phần của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

10.2- Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ, bảo quản tại trụ sở chính của Công ty và được thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh và tất cả các cổ đông biết.

Điều 11. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần

11.1- Hội đồng quản trị Công ty quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong tổng số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

- Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;

- Cổ phần chào bán cho tất cả các cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty;

- Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh được pháp luật thừa nhận. Trong trường hợp này, giá chào bán cổ phần không thấp hơn giá thị trường trừ đi phần hoa hồng dành cho người môi giới và người bảo lãnh. Hoa hồng được xác định bằng tỷ lệ phần trăm giá trị cổ phần tại thời điểm chào bán.

11.2- Cổ phần đã được bán hoặc cổ phần đã được chuyển nhượng khi ghi đúng và đủ những thông tin quy định tại điểm 10.1.4 Điều 10 của Điều lệ này vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần hoặc nhận chuyển nhượng cổ phần trở thành cổ đông của Công ty.

11.3- Sau khi thanh toán đủ cổ phần đăng ký mua, Công ty cấp cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông.

11.4- Thủ tục và trình tự chào bán cổ phần được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

11.5- Cổ đông muốn mua, bán, chuyển nhượng cổ phần phải đăng ký tại trụ sở chính của Công ty.

11.6- Việc chuyển nhượng cổ phiếu ghi danh được thực hiện theo quy định sau đây:

11.6.1- Trong thời hạn 03 (ba) năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các cổ đông sáng lập chỉ được chuyển nhượng cổ phần của mình cho các cổ đông sáng lập khác trừ trường hợp đặc biệt muốn chuyển nhượng ra bên ngoài phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của Công ty.

Sau thời hạn 03 (ba) năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ.

11.6.2- Việc chuyển nhượng cổ phiếu cho người ngoài Công ty phải được thông báo cho Hội đồng quản trị Công ty.

Điều 12. Phát hành cổ phiếu, trái phiếu

12.1- Phát hành cổ phiếu:

Công ty được phát hành cổ phiếu tại trụ sở chính Công ty để chào bán. Việc phát hành cổ phiếu phải được Đại hội đồng cổ đông quyết định theo Điều lệ Công ty và cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Cổ phiếu phát hành thêm phải được ghi đầy đủ các nội dung theo quy định của Nhà nước.

Ngay khi Công ty đi vào hoạt động và kể từ khi đủ điều kiện niêm yết trên thị trường chứng khoán, Công ty sẽ tiến hành các thủ tục để niêm yết cổ phiếu của Công ty trên thị trường chứng khoán.

Việc phát hành cổ phiếu trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật về thị trường chứng khoán.

12.2- Phát hành trái phiếu:

12.2.1- Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

12.2.2- Hội đồng quản trị Công ty quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình quyết định của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.

Điều 13. Mua lại cổ phần

13.1- Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông:

13.1.1- Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó ghi rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này;

13.1.2- Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm 13.1.1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được định theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định

giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

13.2- Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty:

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

13.2.1- Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

13.2.2- Hội đồng quản trị Công ty quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại cổ phần không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại điểm 13.2.3 Điều này;

13.2.3- Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả các cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào giá bán cổ phần của họ cho Công ty.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

Điều 14. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại; thừa kế cổ phần

14.1- Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 13 của Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác.

14.2- Tất cả các cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 13 của Điều lệ này được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán.

Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng

quản trị và Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu huỷ hoặc chậm tiêu huỷ cổ phiếu gây ra đối với Công ty.

14.3- Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo điều đó cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

14.4- Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với khoản 14.1 Điều này, thì tất cả cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp có cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và tất cả thành viên Hội đồng quản trị Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

14.5- Thừa kế cổ phần:

Trường hợp cổ đông chết, Công ty công nhận những người sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ số cổ phần của người đã chết:

- Người hoặc những người thừa kế hợp pháp theo luật định và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận.

- Trường hợp có nhiều người thừa kế hợp pháp thì họ phải cử đại diện duy nhất bằng thủ tục ủy quyền có công chứng. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế theo pháp luật.

- Người hoặc những người thừa kế hợp pháp nếu đăng ký làm thủ tục sở hữu các cổ phần được thừa kế sau khi đã vào sổ đăng ký cổ đông sẽ trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi, nghĩa vụ của các cổ đông mà họ kế quyền.

Điều 15. Trả cổ tức

15.1- Công ty chỉ trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

15.2- Hội đồng quản trị Công ty phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi đến tất cả các cổ đông chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Công ty; tên, địa chỉ cổ đông; số cổ phần của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức.

15.3- Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

15.4- Trường hợp trả cổ tức trái với khoản 15.1 Điều này thì tất cả cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền hoặc tài sản khác đã nhận; trường hợp có cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

Nguyễn

Nguyễn

Điều 16. Cổ đông sáng lập Công ty, tỷ lệ và hình thức góp vốn

16.1- Tổng công ty Xây dựng Sông Hồng:

- Địa chỉ: Số 1596 - Đường Hùng Vương - Phường Gia Cẩm - Thành phố Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.

- Số ĐKKD: 110561 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp ngày 24/4/2003 .

- Điện thoại: (210) 848 438 Fax: (210) 846 158

- Đại diện bởi Ông: **NGUYỄN QUANG MÃN**

- Sinh ngày: 03/10/1952

- Chức vụ: Tổng giám đốc

- Giấy CMND số: 01203678 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 21/5/1997

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 6 – Ngách 495/1 – Ngõ 495 - Đường Nguyễn Trãi – Thanh Xuân Nam - Quận Thanh Xuân – Thành phố Hà Nội.

- Chỗ ở hiện nay: Số 6 – Ngách 495/1 – Ngõ 495 - Đường Nguyễn Trãi – Thanh Xuân Nam - Quận Thanh Xuân – Thành phố Hà Nội.

16.2- Công ty Tài chính Dầu khí và các cổ đông khác:

Đại diện cho Công ty Tài chính Dầu khí và các cổ đông khác:

- **Công ty Tài chính Dầu khí:**

- Địa chỉ: Số 72F – Trần Hưng Đạo – Quận Hai Bà Trưng – Thành phố Hà Nội

- Số ĐKKD: 0106000273 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 23/8/2000 .

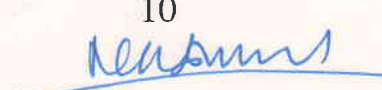
- Điện thoại: 04.9426800 Fax: 04.9426796

- Đại diện bởi Ông: **NGUYỄN TIẾN DŨNG**

- Sinh ngày: 12/10/1953

- Chức vụ: Tổng giám đốc Công ty

- Giấy CMND số: 010043778 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 13/10/2003



- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 1B 25 Láng Hạ - Thành Công - Ba Đình - Hà Nội

- Chỗ ở hiện nay: Số 1B 25 Láng Hạ - Thành Công - Ba Đình - Hà Nội

16.3- Công ty Cổ phần PSD:

- Địa chỉ: Số 21A - Phố Đoàn Nhữ Hải - Phường Trần Hưng Đạo - Quận Hoàn Kiếm - Thành phố Hà Nội.

- Số ĐKKD: 0103011192 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 07/3/2006.

- Điện thoại: (04) 942 8345 / 942 8346 Fax: (04) 942 8345

- Đại diện bởi Ông: **PHẠM TIẾN DŨNG**

- Sinh ngày: 06/02/1961

- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Giấy CMND số: 010140088 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 01/8/2005

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 74 - Triệu Việt Vương - Phường Bùi Thị Xuân - Quận Hai Bà Trưng - Thành phố Hà Nội

- Chỗ ở hiện nay: Số 74 - Triệu Việt Vương - Phường Bùi Thị Xuân - Quận Hai Bà Trưng - Thành phố Hà Nội

16.4- Tỷ lệ và hình thức góp vốn:

TT	Tên cổ đông sáng lập	Phần vốn góp (1.000ĐVN)	Tỷ lệ (%)	Cổ phần	Hình thức góp vốn
1	Tổng công ty Xây dựng Sông Hồng	13.005.000	51	130.050	Tiền mặt và tài sản
2	Công ty Tài chính Dầu khí và các cổ đông khác	9.945.000	39	99.450	Tiền mặt
3	Công ty Cổ phần PSD	2.550.000	10	25.500	Tiền mặt

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

17.1- Sở hữu một phần tài sản của Công ty tương ứng với phần vốn góp vào vốn điều lệ của Công ty, được chia lợi nhuận hoặc chịu lỗ tương ứng với phần vốn góp vào Công ty.

17.2- Được nhận cổ tức tương ứng với phần vốn góp với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

17.3- Được ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông khi Công ty phát hành thêm cổ phiếu.

17.4- Được mua, bán, chuyển nhượng và thừa kế cổ phần theo Điều lệ Công ty và phù hợp với pháp luật.

17.5- Được thông tin về tình hình hoạt động của Công ty; được yêu cầu Hội đồng quản trị cung cấp thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh có liên quan đến quyền lợi cổ đông, trừ những bí mật về hoạt động kinh doanh của Công ty.

17.6- Được nhận một phần tài sản còn lại khi Công ty giải thể hoặc phá sản theo tỷ lệ tương ứng với số vốn góp, sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các khoản nợ khác theo quy định của pháp luật.

17.7- Được yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình như quy định tại Điều lệ này.

17.8- Tham dự Đại hội đồng cổ đông và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; quyền biểu quyết tương ứng với phần vốn góp; được quyền phê bình, chất vấn, kiến nghị về công việc của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc về hoạt động kinh doanh của Công ty.

17.9- Ngoài các quyền nêu trên, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền:

17.9.1- Đề cử người để bầu vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Công ty;

17.9.2- Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;

17.9.3- Xem và nhận bản sao hoặc trích lục danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

17.10- Góp đủ cổ phần đã đăng ký hoặc thanh toán đầy đủ số cổ phần cam kết mua và chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

17.11- Chấp hành điều lệ Công ty và quy chế nội bộ của Công ty.

17.12- Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty. Giám sát và góp ý kiến về hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty.

17.13- Bảo vệ uy tín, lợi ích, tài sản và giữ gìn bí mật về các hoạt động của Công ty.

17.14- Chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại tương ứng nếu có hành vi gây thiệt hại cho lợi ích của Công ty.

17.15- Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

CHƯƠNG III

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 18. Cơ cấu tổ chức, quản lý Công ty

Công ty có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc điều hành.

Điều 19. Đại hội đồng cổ đông

19.1- Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

19.2- Đại hội đồng cổ đông gồm:

19.2.1- Đại hội đồng cổ đông thành lập: Do các sáng lập viên triệu tập để tiến hành các thủ tục thành lập, thảo luận và thông qua Điều lệ Công ty;

19.2.2- Đại hội đồng cổ đông thường niên: Do Chủ tịch Hội đồng quản trị, hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền, triệu tập họp mỗi năm một lần trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

19.2.3- Đại hội đồng cổ đông bất thường: Được triệu tập để giải quyết các vấn đề sửa đổi Điều lệ, trường hợp Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ quản lý quy định tại Điều lệ và các công việc cấp thiết khác của Công ty.

19.3- Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

19.3.1- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;

19.3.2- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

19.3.3- Quyết định mức thù lao và các quyền lợi khác của Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

19.3.4- Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;

19.3.5- Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

19.3.6- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty;

19.3.7- Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;

19.3.8- Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh, báo cáo của Ban kiểm soát;

19.3.9- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm; phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận, chia cổ tức và trích lập, sử dụng các quỹ;

19.3.10- Thông qua định hướng phát triển của Công ty; quyết định bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty;

19.3.11- Quyết định nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư của năm tài chính mới;

19.3.12- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

19.3.13- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 20. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

20.1- Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

20.2- Đại hội đồng cổ đông được triệu tập họp trong các trường hợp sau đây:

20.2.1- Theo quyết định của Hội đồng quản trị Công ty;

20.2.2- Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đại diện cho ít nhất 8% vốn điều lệ trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng hoặc của Ban kiểm

14
Nguyễn Minh

soát trong trường hợp Hội đồng quản trị Công ty vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ quản lý quy định tại Điều 119 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

20.3- Hội đồng quản trị Công ty phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời gian 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu quy định tại điểm 20.2.2 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

Trường hợp Hội đồng quản trị Công ty không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại điểm 20.2.2 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

20.4- Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 07 (bảy) ngày trước ngày khai mạc. Kèm theo Giấy mời họp có chương trình họp, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định.

20.5- Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông:

20.5.1- Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

20.5.2- Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông;

20.5.3- Cổ đông có quyền được cung cấp thông tin liên quan đến mình được ghi trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

20.5.4- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 17.9 Điều 17 Điều lệ này có quyền xem danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

15
Handwritten signature in blue ink

20.5.5- Cổ đông có quyền yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

20.6- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 50% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành thì được triệu tập cuộc họp lần thứ ba trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp.

20.7- Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

20.8- Cổ đông có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho đại diện của mình dự họp Đại hội đồng cổ đông. Văn bản ủy quyền phải được gửi trước Đại hội đồng cổ đông 02 (hai) ngày và gửi cho Hội đồng quản trị Công ty.

20.9- Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông là người chủ trì phiên họp Đại hội đồng. Những người tham gia họp cử một thư ký ghi Biên bản họp. Thư ký có quyền kiểm tra hoặc yêu cầu Ban kiểm soát xem xét tư cách dự Đại hội đồng cổ đông này của những người tham gia. Đại hội đồng cổ đông sẽ quyết định cuối cùng về vấn đề này.

20.10- Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn trả.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

21.1- Đại hội đồng cổ đông thông qua các Nghị quyết, quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại các phiên họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

21.2- Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi:

21.2.1- Được cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp chấp thuận;

21.2.2- Được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận đối với các quyết định: về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Công ty; tổ chức lại, giải thể Công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty.

21.3- Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

Văn bản xin ý kiến kèm theo tài liệu có liên quan được gửi tới tất cả các cổ đông, đại diện cổ đông. Quá thời hạn cuối cùng phải gửi phiếu xin ý kiến về Công ty mà cổ đông hoặc đại diện cổ đông không gửi phiếu ghi ý kiến của mình về Công ty thì coi như đã chấp thuận nội dung phiếu lấy ý kiến.

21.4- Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

21.5- Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày quyết định được thông qua, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và Ban kiểm soát có quyền yêu cầu tòa án xem xét và hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau:

21.5.1- Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng quy định của Điều lệ;

21.5.2- Nội dung quyết định vi phạm quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 22. Sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

22.1- Tất cả cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty.

Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

- Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

- Chương trình và nội dung cuộc họp;

- Chủ tọa và thư ký;

- Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

- Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

- Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

- Các quyết định đã được thông qua;

- Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

22.2- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

22.3- Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.

22.4- Sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu khác được lưu giữ cùng với sổ đăng ký cổ đông tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23. Hội đồng quản trị

23.1- Hội đồng quản trị Công ty là cơ quan quản lý của Công ty do Đại hội đồng cổ đông Công ty bầu hoặc miễn nhiệm, số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) người.

23.2- Hội đồng quản trị có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

23.3- Hội đồng quản trị có quyền và nhiệm vụ sau đây:

23.3.1- Quyết định chiến lược phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

23.3.2- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

23.3.3- Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

23.3.4- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn của Điều lệ này;

23.3.5- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50 % tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty;

23.3.6- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng Văn phòng đại diện; cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu hoặc phần vốn góp ở công ty khác; quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;

23.3.7- Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;

23.3.8- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty; quyết định quỹ lương của Công ty; quyết định thành lập Công ty con, lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

23.3.9- Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

23.3.10- Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

23.3.11- Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty, định giá tài sản góp vốn;

23.3.12- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định ;

23.3.13- Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần đã bán của từng loại;

23.3.14- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;

23.3.15- Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc điều hành Công ty, cán bộ quản lý các đơn vị khác trong Công ty cung cấp các thông tin và tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty;

23.3.16- Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về những sai phạm trong quản lý, vi phạm Điều lệ, vi phạm pháp luật gây thiệt hại cho Công ty;

23.3.17- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này;

23.4- Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

23.5- Hội đồng quản trị họp thường kỳ ít nhất mỗi quý một lần theo quyết định triệu tập của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị có thể họp bất thường theo yêu cầu của:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- Ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng quản trị;
- Trưởng ban kiểm soát hoặc 2/3 thành viên Ban kiểm soát;
- Giám đốc Công ty.

23.6- Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 2/3 tổng số thành viên tham dự và được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

23.7- Trường hợp thông qua quyết định của Hội đồng quản trị bằng văn bản (Thư tín và FAX) thì quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu đa số thành viên của Hội đồng quản trị chấp thuận. Trong trường hợp này, người tổ chức lấy ý kiến phải chuẩn bị bằng văn bản các nội dung sau:

- Danh mục các vấn đề cần hỏi ý kiến;
- Phiếu hỏi ý kiến (kèm theo tài liệu có liên quan nếu có).
- Phiếu hỏi ý kiến phải được gửi trước ít nhất 07 (bảy) đến các thành viên Hội đồng quản trị nghiên cứu cho ý kiến.

23.8- Người tổ chức lấy ý kiến và thường trực của Hội đồng quản trị phải tiến hành kiểm phiếu, lập biên bản về kết quả kiểm phiếu và thông báo kết quả hỏi ý kiến đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị.

23.9- Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Hội đồng quản trị.

23.10- Nhiệm kỳ đầu tiên, Hội đồng quản trị có 05 (năm) thành viên do các cổ đông sáng lập đề cử theo cơ cấu sau:

- Tổng công ty Xây dựng Sông Hồng đề cử 03 (ba) người, trong đó:
 - + 01 người giữ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - + 01 người giữ chức danh Giám đốc Công ty;
- Công ty Tài chính Dầu khí đề cử 01 (một) người.

- Công ty Cổ phần PSD đề cử 01 (một) người.

23.11- Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Khi Hội đồng quản trị hết nhiệm kỳ, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc điều hành tiếp tục hoạt động cho đến khi Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị mới. Trong thời gian nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông có thể xem xét bãi miễn một thành viên Hội đồng quản trị nếu có nhóm cổ đông đại diện ít nhất 30% vốn điều lệ yêu cầu. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ bị bãi nhiệm nếu có nhóm cổ đông đại diện ít nhất 60 % vốn điều lệ yêu cầu. Đại hội đồng cổ đông tiến hành bầu bổ sung khi khuyết một thành viên Hội đồng quản trị.

23.12- Thành viên Hội đồng quản trị phải là người có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Có trình độ học vấn từ Đại học trở lên, có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp, có hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật.

- Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết.

- Không là người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc bị toàn án tước quyền hành nghề, vi phạm các tội buôn lậu, làm hàng giả, buôn bán hàng giả, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng và các tội khác theo quy định của pháp luật hoặc bị Tòa án áp dụng các hình phạt bổ sung như: Cấm đảm nhận chức vụ quyền hạn, cấm đi khỏi nơi cư trú; không được là thành viên Hội đồng quản trị của quá 3 (ba) tổ chức sản xuất kinh doanh khác.

23.13- Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong nhiệm kỳ:

23.13.1- Đương nhiên bị mất tư cách thành viên trong trường hợp bị mất, hạn chế năng lực hành vi dân sự và thuộc một trong những trường hợp được nêu tại khoản 23.11 Điều này;

23.13.2- Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm nếu không được phép đảm nhiệm chức vụ theo quy định bắt buộc của pháp luật hoặc từ chức. Tuy nhiên, thành viên Hội đồng quản trị không được từ chức nếu luật pháp không cho phép hoặc Đại hội đồng cổ đông yêu cầu thành viên đó phải giải quyết những vấn đề tồn đọng của Công ty;

23.13.3- Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm do vi phạm nghiêm trọng Điều lệ Công ty hoặc có hành vi khác gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động bình thường của Công ty.

23.14- Trường hợp số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 so với số lượng quy định tại Điều lệ Công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá 60 (sáu mươi) ngày để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

23.15- Trong nhiệm kỳ, cổ đông pháp nhân có quyền thay đổi người đại diện đang là thành viên Hội đồng quản trị. Nếu thành viên đó đang giữ chức danh trong Hội đồng quản trị thì chức danh đó đương nhiên thuộc về đại diện mới của cổ đông pháp nhân đó. Khi đó, cổ đông pháp nhân phải gửi văn bản đề nghị Hội đồng quản trị trước 15 (mười lăm) ngày và chỉ thực hiện khi được Hội đồng quản trị đồng ý bằng văn bản.

23.16- Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị được tính vào chi phí quản lý của Công ty.

23.17- Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, cán bộ quản lý trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và các đơn vị trong Công ty.

Cán bộ quản lý được yêu cầu cung cấp phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 24. Chủ tịch Hội đồng quản trị:

24.1- Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu trong số thành viên Hội đồng quản trị.

24.2- Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:

- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị. Lập chương trình công tác và phân công các thành viên thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty;

- Chuẩn bị chương trình, nội dung các tài liệu phục vụ cho cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

- Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;

- Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;

- Thay mặt Hội đồng quản trị ký các văn bản, quyết định, các hợp đồng, các thỏa thuận thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và đã được Hội đồng quản trị phê duyệt;

- Quyết định cử các cán bộ có chức danh do Hội đồng quản trị quản lý đi công tác, đào tạo nước ngoài theo đề nghị của Giám đốc Công ty;

- Chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

- Được ủy quyền và chịu trách nhiệm về sự ủy quyền của mình;

- Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này.

- Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại chọn một người trong số họ tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp thực thi nhiệm vụ đã được Hội đồng quản trị phân công, không ủy quyền cho người khác.

Điều 25. Ban kiểm soát

25.1- Ban kiểm soát Công ty gồm 03 (ba) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, trong đó có ít nhất 01 (một) thành viên có trình độ đại học tài chính kế toán. Các thành viên Ban kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát.

Nhiệm kỳ đầu tiên, các thành viên Ban kiểm soát do các cổ đông sáng lập đề cử theo cơ cấu sau:

- Tổng công ty Xây dựng Sông Hồng đề cử 01 (một) người.

- Công ty Tài chính Dầu khí đề cử 01 (một) người giữ chức danh Trưởng Ban kiểm soát.

- Công ty Cổ phần PSD đề cử 01 (một) người.

25.2- Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát:

25.2.1- Có trình độ am hiểu về hoạt động kinh doanh của Công ty, hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật, trung thực;

25.2.2- Thành viên Ban kiểm soát không được là thành viên của Hội đồng quản trị, Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty; không thể là vợ hoặc chồng, bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty;

25.2.3- Thành viên Ban kiểm soát không được là người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc bị tòa án tước quyền hành nghề, vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

25.3- Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát:

25.3.1- Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát trùng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và kéo dài thêm 60 (sáu mươi) ngày để giải quyết các công việc tồn đọng (nếu có);

25.3.2- Trong nhiệm kỳ có khuyết thành viên Ban kiểm soát thì Đại hội đồng cổ đông gần nhất phải bầu thay thế theo thể thức bầu trực tiếp bằng bỏ phiếu kín.

25.4- Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm phân công công việc cho các thành viên Ban kiểm soát.

25.5- Ban kiểm soát có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

25.5.1- Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

25.5.2- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính của Công ty;

25.5.3- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị; xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc đại diện nhóm cổ đông sở hữu từ 10% cổ phần phổ thông trở lên;

25.5.4- Thường xuyên báo cáo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

25.5.5- Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán; báo cáo tài chính, các báo cáo khác của Công ty; tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

25.5.6- Kiến nghị biện pháp bổ sung sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

25.5.7- Không được tiết lộ bí mật của Công ty;

25.5.8- Có thể được mời tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị nhưng không được tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với quyết định của Hội đồng quản trị thì có quyền yêu cầu ghi ý kiến của mình vào biên bản họp được trực tiếp báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

25.5.9- Việc kiểm tra được quy định tại các điểm 25.5.1 và 25.5.2 của Điều này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn trong điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.

25.6- Các thành viên Ban kiểm soát được hưởng thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Chi phí cho hoạt động của Ban kiểm soát được hạch toán vào chi phí quản lý của Công ty.

25.7- Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về những sai phạm gây thiệt hại cho Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình.

25.8- Cung cấp thông tin cho Ban kiểm soát:

Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, các cán bộ quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

25.9- Từ chức, từ nhiệm và mất tư cách thành viên Ban kiểm soát:

25.9.1- Thành viên ban kiểm soát muốn từ chức hoặc từ nhiệm phải làm đơn gửi cho Đại hội đồng cổ đông trước 45 (bốn mươi lăm) ngày và phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận;

25.9.2- Thành viên Ban kiểm soát mất tư cách khi vi phạm một trong các trường hợp như đối với thành viên Hội đồng quản trị;

25.9.3- Trường hợp khuyết Trưởng Ban kiểm soát thì số thành viên còn lại cử người thay thế;

25.9.4- Trường hợp khuyết thành viên Ban kiểm soát có nghiệp vụ về tài chính kế toán thì Hội đồng quản trị phải tạm thời cử người thay thế cho đến Đại hội đồng cổ đông gần nhất bầu người bổ sung.

25.10- Nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát được quy định tại Điều 126 Luật Doanh nghiệp.

Điều 26. Giám đốc Công ty

26.1- Giám đốc Công ty là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Giám đốc là người điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, thuê, miễn nhiệm, cách chức.

- Giám đốc có thể là thành viên Hội đồng quản trị Công ty.

- Giúp việc Giám đốc có các Phó giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm theo đề nghị của Giám đốc.

26.2- Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

26.2.1- Điều hành và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật;

26.2.2- Tổ chức thực hiện các Quyết định và Nghị quyết của Hội đồng quản trị;

26.2.3- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;

26.2.4- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

26.2.5- Xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch dài hạn và kế hoạch hàng năm, các quy chế quản lý nội bộ Công ty, quy chế tài chính, quy chế lao động tiền lương, quy chế sử dụng lao động...; kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức Công ty;

26.2.6- Đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các chức danh Phó giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng Văn phòng đại diện;

26.2.7- Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các trưởng phòng, ban, các chức danh tương đương nhưng phải thông qua Hội đồng quản trị trước khi quyết định và công nhân viên dưới quyền, trừ các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm;

26.2.8- Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;

26.2.9- Ký các văn bản, báo cáo, hợp đồng, chứng từ của Công ty phù hợp với luật pháp và Điều lệ này;

26.2.10- Báo cáo trước Hội đồng quản trị tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh của Công ty; kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh; cung cấp đầy đủ các tài liệu theo yêu cầu của Hội đồng quản trị, chuẩn bị các tài liệu cho các cuộc họp Hội đồng quản trị;

26.2.11- Đại diện Công ty trong việc khởi kiện các vụ án có liên quan đến quyền lợi của Công ty, trừ trường hợp Hội đồng quản trị có ý kiến khác bằng văn bản;

26.2.12- Từ chối thực hiện những quyết định của Chủ tịch, các thành viên Hội đồng quản trị nếu thấy quyết định đó trái pháp luật, trái Điều lệ và trái Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

26.2.13- Tuyển dụng, thuê mướn và bố trí sử dụng, khen thưởng, kỷ luật đối với người lao động theo quy chế do Hội đồng quản trị ban hành và theo quy định của pháp luật về lao động;

26.2.14- Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố v.v... và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị;

26.2.15- Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty;

26.2.16- Chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật đối về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

26.3- Giám đốc Công ty phải có đủ các điều kiện sau:

- Tốt nghiệp Đại học.
- Có trình độ quản lý sản xuất kinh doanh, có đủ kiến thức và trình độ quản lý Công ty, hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật.
- Không thuộc đối tượng cấm theo quy định của pháp luật.
- Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, có khả năng tập hợp quần chúng để thực hiện tốt mục tiêu sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều 27. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng

27.1- Công ty có các Phó Giám đốc và Kế toán trưởng. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị tuyển chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật theo đề nghị của Giám đốc.

2- Các Phó Giám đốc giúp Giám đốc điều hành Công ty theo phân công hoặc uỷ quyền của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và pháp luật về nhiệm vụ được phân công và uỷ quyền. Việc uỷ quyền có liên quan đến việc ký kết hợp đồng kinh tế hoặc liên quan tới việc sử dụng con dấu của Công ty đều phải thực hiện bằng văn bản.

Trong nhiệm kỳ đầu, chức danh Phó Giám đốc Công ty do Tổng công ty Xây dựng Sông Hồng đề cử.

3- Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán của Công ty, giúp Giám đốc giám sát tài chính tại Công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc uỷ quyền.

Trong nhiệm kỳ đầu, chức danh Kế toán trưởng Công ty do Tổng công ty Xây dựng Sông Hồng đề cử.

Điều 28. Bộ máy giúp việc

28.1- Các phòng (ban) chuyên môn, nghiệp vụ có chức năng tham mưu giúp việc Hội đồng quản trị, Giám đốc trong quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

28.2- Nhiệm vụ cụ thể của các phòng (ban) chuyên môn, nghiệp vụ được quy định tại quy chế quản lý nội bộ của Công ty do Giám đốc xây dựng trình Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị ký quyết định ban hành.

28.3- Trong quá trình hoạt động, Giám đốc có quyền đề nghị Hội đồng quản trị thay đổi cơ cấu, biên chế, số lượng và chức năng nhiệm vụ của các phòng (ban) chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với nhu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty và quy định của pháp luật. Hội đồng quản trị xem xét, quyết định việc thay đổi do Giám đốc đề nghị.

Điều 29. Các Hợp đồng phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

29.1- Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

29.1.1- Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 35% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;

29.1.2- Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc;

29.1.3- Doanh nghiệp quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 118 Luật Doanh nghiệp và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;

29.2- Đối với các Hợp đồng, giao dịch có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản ghi trong sổ kế toán của Công ty thì phải được Hội đồng quản trị chấp thuận trước khi ký. Trong trường hợp này, Giám đốc Công ty phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của Công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

29.3- Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp quy định tại khoản 29.2 Điều này. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.

29.4- Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được sự chấp thuận theo quy định tại khoản 29.2 và 29.3 Điều này. Giám đốc của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 30. Ủy quyền, ủy nhiệm

30.1- Giám đốc Công ty có thể ủy quyền cho người khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc ủy quyền của mình.

30.2- Người được ủy quyền, ủy nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Giám đốc và trước pháp luật về những công việc mình làm.

30.3- Mọi sự ủy quyền, ủy nhiệm có liên quan tới con dấu của Công ty đều phải được thực hiện bằng văn bản.

Điều 31. Từ nhiệm và đương nhiên mất tư cách

31.1- Khi Giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi Hội đồng quản trị trước 30 (ba mươi) ngày. Trong thời hạn không quá 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày nhận được đơn, Hội đồng quản trị phải xem xét và quyết định.

31.2- Giám đốc đương nhiên mất tư cách khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- Chết, mất trí, mất quyền công dân;
- Tự ý bỏ nhiệm vụ;
- Vi phạm Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật.

Điều 32. Quyết toán, trả cổ tức và lập quỹ

32.1- Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Riêng năm tài chính đầu tiên hoạt động thì năm quyết toán bắt đầu từ ngày hoạt động chính thức và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Công ty phải gửi báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh.

Tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm phải được thông báo đến tất cả các cổ đông.

32.2- Việc trích lập các quỹ do Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết định theo quy định của pháp luật. Hàng năm, sau khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước, lợi nhuận được phân bổ như sau:

32.2.1- Lập quỹ dự phòng tài chính: Ít nhất bằng 10% lợi nhuận ròng để bổ sung vốn điều lệ và để dự trữ tài chính cho năm sau cho đến mức bằng 25% vốn điều lệ;

29

32.2.2- Các loại quỹ khác như: Quỹ phát triển sản xuất kinh doanh, Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi tập thể, ... sẽ căn cứ theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

32.3- Sau khi quyết toán, trích lập các quỹ và thanh toán các khoản nợ đến hạn phải trả, Đại hội đồng cổ đông quyết định trả cổ tức cho các cổ đông trên cơ sở vốn góp. Công ty chỉ trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật và ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hết hạn phải trả, đồng thời vẫn đảm bảo đủ vốn cho hoạt động của Công ty.

Điều 33. Tài sản của Công ty, thay thế cổ đông, góp vốn liên doanh, thế chấp và bán tài sản cố định của Công ty

33.1- Trong trường hợp một cổ đông chết hoặc chấm dứt hợp đồng, những người thừa kế (đối với thể nhân) hoặc những người hay tổ chức thay thế theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền (đối với pháp nhân) của cổ đông này phải chỉ định một người duy nhất làm đại diện cho những cổ phần của cổ đông quá cố. Người đại diện này được Công ty coi là người sở hữu những cổ phần của cổ đông chết hoặc chấm dứt hoạt động và có quyền và nghĩa vụ như các cổ đông khác trong Công ty.

33.2- Việc thế chấp hoặc bán tài sản cố định có giá trị từ 30% vốn điều lệ của Công ty trở lên hay sử dụng vốn của Công ty để liên doanh, mua lại cổ phần doanh nghiệp khác phải được thông qua Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Các cổ đông không có quyền sở hữu riêng đối với các tài sản của Công ty, kể cả những tài sản họ đã góp vào vốn điều lệ.

CHƯƠNG IV

CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 34. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi và giải thể Công ty; phương thức thanh lý tài sản

34.1- Việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, hoặc chuyển đổi hình thức Công ty phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và chỉ được quyền quyết định nếu có số cổ đông sở hữu 2/3 vốn điều lệ trở lên tán thành.

34.2- Công ty giải thể trong các trường hợp sau:

30

34.2.1- Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ này mà không có quyết định gia hạn;

34.2.2- Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi Công ty bị thua lỗ 3/4 vốn điều lệ hoặc gặp khó khăn không còn khả năng hoạt động kinh doanh; mục tiêu của Công ty không thể thực hiện được hoặc không đem lại hiệu quả;

34.2.3- Công ty không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn 06 (sáu) tháng liên tục;

34.2.4- Bị thu hồi chứng nhận đăng ký kinh doanh;

34.2.5- Có yêu cầu chính đáng của nhóm cổ đông đại diện 3/4 vốn điều lệ Công ty;

34.2.6- Việc giải thể Công ty trong bất cứ trường hợp nào đều phải được sự đồng ý của nhóm cổ đông đại diện cho ít nhất 3/4 số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty và do Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

Việc giải thể Công ty tiến hành đồng thời với việc giải thể các chi nhánh và văn phòng đại diện của Công ty.

34.3- Thủ tục giải thể Công ty:

34.3.1- Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để thông qua quyết định giải thể Công ty. Quyết định giải thể ít nhất phải có các nội dung sau:

- Tên, trụ sở Công ty;
- Lý do giải thể;
- Địa điểm và hình thức thông qua quyết định giải thể;
- Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của Công ty. Thời hạn thanh toán nợ không vượt quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày quyết định giải thể được thông qua;
- Thành lập Tổ thanh lý tài sản. Nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ của Tổ thanh lý phải được quy định cụ thể trong một phụ lục đính kèm quyết định giải thể Công ty;
- Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

34.3.2- Trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày quyết định giải thể được thông qua, quyết định giải thể phải được gửi đến cơ quan đăng ký kinh doanh, tất cả các chủ nợ của Công ty; đồng thời quyết định giải thể phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính Công ty và đăng trên báo hàng ngày của địa phương trong 03 (ba) số liên tiếp.

34.4- Sau khi thanh toán hết các khoản nợ, các tài sản còn lại của Công ty được chia lại cho các cổ đông.

Điều 35. Phá sản Công ty

35.1- Khi Công ty gặp khó khăn hoặc bị thua lỗ trong hoạt động kinh doanh đến mức tại một thời điểm tổng số giá trị tài sản còn lại của Công ty không đủ thanh toán các khoản nợ đến hạn thì Công ty lâm vào tình trạng phá sản.

35.2- Trong trường hợp Công ty đã thực hiện các biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính để thanh toán các khoản nợ đến hạn mà không thoát khỏi tình trạng mất khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn, Giám đốc phải thông báo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị. Giám đốc hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị nộp đơn đến Tòa án nơi đặt trụ sở chính của doanh nghiệp yêu cầu giải quyết việc tuyên bố phá sản của doanh nghiệp. Khi đó Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng quản trị không được phép từ bỏ trách nhiệm của mình.

Các thành viên khác có quyền yêu cầu phá sản theo quy định của Luật phá sản. Trình tự và thủ tục phá sản thực hiện theo các quy định của pháp luật về phá sản.

Điều 36. Giải quyết tranh chấp giữa các cổ đông của Công ty

Mọi tranh chấp liên quan đến hoạt động của Công ty giữa các cổ đông Công ty được giải quyết trước hết bằng thương lượng, hòa giải giữa các bên tranh chấp.

Trường hợp không thương lượng, hòa giải được thì một bên hay các bên có thể cử đại diện đứng đơn khiếu nại trước cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Chế độ lưu giữ bảo quản, sử dụng con dấu và tài liệu của Công ty

37.1- Con dấu của Công ty được khắc theo mẫu quy định thống nhất của Bộ Công an, trước khi sử dụng được đăng ký tại cơ quan quản lý theo quy định.

37.2- Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của Chính phủ.

Con dấu được lưu giữ và bảo quản tại trụ sở chính của Công ty.

37.3- Công ty phải lưu giữ, bảo quản các tài liệu sau đây:

- Điều lệ Công ty; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; các quy chế quản lý nội bộ của Công ty; sổ đăng ký cổ đông;

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm; các giấy phép và giấy chứng nhận khác;

- Các giấy tờ, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản của Công ty;
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; các quyết định đã được thông qua;
- Báo cáo của Ban kiểm soát, kết luận của cơ quan Thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập;
- Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm;
- Bản cáo bạch để phát hành chứng khoán;
- Các tài liệu theo quy định của pháp luật.

37.4- Công ty phải lưu giữ các tài liệu quy định tại khoản 35.3 Điều này tại trụ sở chính. Thời hạn lưu giữ thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Điều khoản thi hành

38.1- Các điều khoản của Điều lệ này có thể được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

38.2- Điều lệ này ràng buộc những người thừa kế và người được chuyển nhượng các lợi ích và nghĩa vụ sau này của Công ty.

38.3- Nếu có những vấn đề mà Điều lệ này chưa có quy định điều chỉnh thì sẽ được xử lý theo các quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định hiện hành có hiệu lực của pháp luật Việt Nam.

38.4- Bản Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng thông qua và chấp thuận toàn bộ vào ngày 21 tháng 7 năm 2006.

Bản Điều lệ này có 34 trang gồm 04 chương, 38 điều, được lập thành 12 bản tiếng Việt có giá trị như nhau, trong đó:

- 04 bản lưu tại Văn phòng Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng.
- 02 bản gửi Tổng công ty Xây dựng Sông Hồng.
- 02 bản gửi Công ty Tài chính Dầu khí và các cổ đông khác.
- 02 bản gửi Công ty Cổ phần PSD.
- 01 bản nộp tại Phòng Công chứng nhà nước tỉnh Phú Thọ.
- 01 bản đăng ký tại Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

Các bản trích, bản sao và bản dịch phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty mới có giá trị.

CÁC CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

ĐẠI DIỆN
TỔNG CÔNG TY
XÂY DỰNG
SÔNG HỒNG



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Mẫn

ĐẠI DIỆN
CÔNG TY
TÀI CHÍNH DẦU KHÍ
VÀ CÁC CỔ ĐÔNG KHÁC



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiến Dũng

ĐẠI DIỆN
CÔNG TY
CỔ PHẦN
PSD



CHỦ TỊCH HĐQT

Phạm Tiến Dũng